

Học phần: Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện

Nhóm: INT1418-02

Số tín chỉ:

3

Ngày thi: 31/5/2016

Giờ thi: 8h00

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
1	B12DCCN003	Đào Thị Lan Anh	D12HTTT1	10,0	10,0		10,0	5,0	7,0	
2	B12DCCN418	Nguyễn Hiệp Anh	D12HTTT2	9,0	7,0		7,0	6,0	6,6	
3	B12DCCN361	Phạm Thị Ngọc Anh	D12HTTT1	10,0	6,0		6,0	4,0	5,2	
4	B12DCCN210	Ngô Tiến Cường	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	9,0	9,1	
5	B12DCCN105	Nguyễn Xuân Cường	D12HTTT2	4,0	0,0		0,0	0,0	0,4	Không đủ ĐKDT
6	B12DCCN107	Đặng Bá Đạt	D12HTTT2	9,0	5,0		5,0	5,0	5,4	
7	B12DCCN159	Nguyễn Hữu Dương	D12HTTT2	10,0	7,0		7,0	6,0	6,7	
8	B12DCCN016	Lê Xuân Trường Giang	D12HTTT1	8,0	5,0		5,0	4,0	4,7	
9	B12DCCN313	Trần Thị Ngọc Hà	D12HTTT1	8,0	4,0		4,0	4,0	4,4	
10	B12DCCN018	Đỗ Văn Hiến	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	7,0	7,9	
11	B12DCCN316	Lê Văn Hiệp	D12HTTT2	10,0	3,0		3,0	4,0	4,3	
12	B12DCCN360	Quách Văn Hiệp	D12HTTT1	9,0	5,0		5,0	6,0	6,0	
13	B12DCCN318	Đỗ Trung Hiếu	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	6,0	7,3	
14	B12DCCN019	Nguyễn Đình Hiếu	D12HTTT2	10,0	5,0		5,0	5,0	5,5	
15	B12DCCN220	Đỗ Thị Hoa	D12HTTT2	9,0	9,0		9,0	5,0	6,6	
16	B12DCCN432	Phạm Thị Phương Hoa	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	4,0	5,5	
17	B12DCCN114	Trần Hữu Hòa	D12HTTT2	10,0	10,0		10,0	10,0	10,0	
18	B12DCCN221	Trần Quang Hoàn	D12HTTT2	10,0	6,0		6,0	6,0	6,4	
19	B12DCCN321	Đặng Thị Hồng	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	5,0	6,1	
20	B12DCCN065	Nguyễn Quang Hợp	D12HTTT2	7,0	2,0		2,0	4,0	3,7	
21	B12DCCN322	Nguyễn Thị Huệ	D12HTTT1	10,0	5,0		5,0	6,0	6,1	
22	B12DCCN223	Đặng Quốc Hưng	D12HTTT1	10,0	8,0		8,0	6,0	7,0	
23	B12DCCN224	Phan Thị Hương	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	9,0	9,1	
24	B12DCCN118	Nguyễn Công Huy	D12HTTT2	8,0	6,0		6,0	5,0	5,6	
25	B12DCCN439	Nguyễn Quang Huy	D12HTTT1	10,0	3,0		3,0	4,0	4,3	
26	B12DCCN176	Trần Văn Huy	D12HTTT2	10,0	8,0		8,0	5,0	6,4	
27	B12DCCN120	Bùi Đình Kiên	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
28	B12DCCN070	Nguyễn Khánh Ly	D12HTTT1	10,0	5,0		5,0	4,0	4,9	
29	B12DCCN126	Nguyễn Thế Mạnh	D12HTTT1	10,0	2,0		2,0	10,0	7,6	
30	B12DCCN286	Nguyễn Hải Nam	D12HTTT2	7,0	6,0		6,0	5,0	5,5	
31	B12DCCN075	Phạm Quang Nam	D12HTTT1	8,0	1,0		1,0	4,0	3,5	
32	B12DCCN186	Ngô Ngọc Ninh	D12HTTT1	10,0	2,0		2,0	6,0	5,2	
33	B12DCCN416	Nghiêm Đình Phong	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	7,0	7,3	
34	B12DCCN187	Lương Thúy Phương	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	8,0	7,9	
35	B12DCCN238	Nguyễn Thị Phương	D12HTTT2	10,0	9,0		9,0	6,0	7,3	
36	B12DCCN399	Vũ Thị Mai Phương	D12HTTT2	10,0	5,0		5,0	4,0	4,9	
37	B12DCCN241	Đinh Thị Quỳnh	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
38	B12DCCN188	Phạm Ngọc Sơn	D12HTTT2	9,0	6,0		6,0	6,0	6,3	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm T.BKT	Điểm TN-TH	Điểm B.TTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
39	B12DCCN526	Meelakone Soukkase	D12HTTT2	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
40	B12DCCN085	Uông Công Thắng	D12HTTT1	10,0	6,0		6,0	7,0	7,0	
41	B112104521	Dương Kim Thành	D12HTTT2	9,0	7,0		7,0	4,0	5,4	
42	B12DCCN346	Lê Thị Thảo	D12HTTT2	10,0	7,0		7,0	6,0	6,7	
43	B12DCCN194	Nguyễn Thị Phương Thảo	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
44	B12DCCN249	Đổng Thị Thanh Thúy	D12HTTT2	9,0	3,0		3,0	7,0	6,0	
45	B12DCCN196	Hoàng Thị Thúy	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
46	B12DCCN351	Kiều Thu Thủy	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	6,0	6,7	
47	B12DCCN353	Nguyễn Thị Toán	D12HTTT2	10,0	6,0		6,0	5,0	5,8	
48	B12DCCN045	Nguyễn Quỳnh Trang	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
49	B12DCCN199	Phạm Thị Trang	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	8,0	8,5	
50	B12DCCN090	Vũ Thị Trang	D12HTTT2	9,0	6,0		6,0	4,0	5,1	
51	B12DCCN253	Đàm Văn Triệu	D12HTTT2	10,0	6,0		6,0	7,0	7,0	
52	B12DCCN255	Lê Đình Tú	D12HTTT1	8,0	2,0		2,0	5,0	4,4	
53	B12DCCN092	Lê Thanh Tùng	D12HTTT2	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
54	B12DCCN093	Nguyễn Thanh Tùng	D12HTTT1	10,0	6,0		6,0	7,0	7,0	
55	B12DCCN261	Phạm Quang Tùng	D12HTTT2	10,0	10,0		10,0	9,0	9,4	
56	B12DCCN357	Nguyễn Thị Tuyền	D12HTTT2	10,0	8,0		8,0	5,0	6,4	
57	B12DCCN263	Bùi Thị Xuân	D12HTTT1	9,0	8,0		8,0	5,0	6,3	
58	B12DCCN264	Đinh Thị Hải Yến	D12HTTT2	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
59	B112104510	Vũ Hữu Tú Anh	D11HTTT3	3,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
60	1021040218	Bùi Hữu Duy	D10HTTT2	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
61	B112104072	Lê Nam Hưng	D11HTTT1	2,0	6,0		6,0	6,0	6,0	
62	B112104427	Nguyễn Văn Ngọc	D11HTTT3	5,0	4,0		4,0	4,0	4,0	
63	B112104380	Nguyễn Mạnh Quân	D11HTTT2	9,0	2,0		2,0	4,0	4,0	
64	B112104381	Hoàng Vinh Quang	D11HTTT1	9,0	4,0		4,0	4,0	5,0	
65	1021040156	Lương Đình Sơn	D11HTTT2	9,0	2,0		2,0	5,0	5,0	

Ghi chú:

- Số SV theo DS: 65 SV
 - Số SV thi đạt: 57 SV
 - Số SV thi không đạt: 6 SV
 - Số SV thi lại: 2 SV

- Số SV dự thi: 61 SV
 - Số SV vắng thi: 0 SV
 - Số SV vắng thi có phép: 0 SV

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2016

TRƯỞNG TRUNG TÂM

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cương

Nguyễn Xuân Trường

